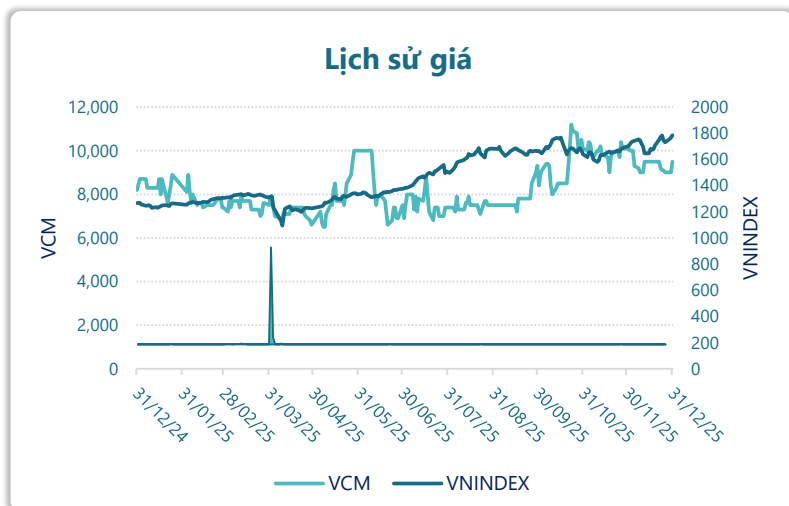


CTCP BV Life (HNX: VCM)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	9,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,500
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,760
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	114
P/E	3.6
EPS	2,611

DT thuần
Q4/25

32.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼46.7 | -59.4%

YoY: ▲ 26.8 | 510%

LN sau thuế
Q4/25

-2.12

tỷ VNĐ

QoQ: ▼33.5 | -107%

YoY: ▼2.17 | -4335%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

22.2%

+/- YoY: ▲ 14.2%

DT thuần
2025

178

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 119 | 204%

LN sau thuế
2025

31.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.7 | 780%

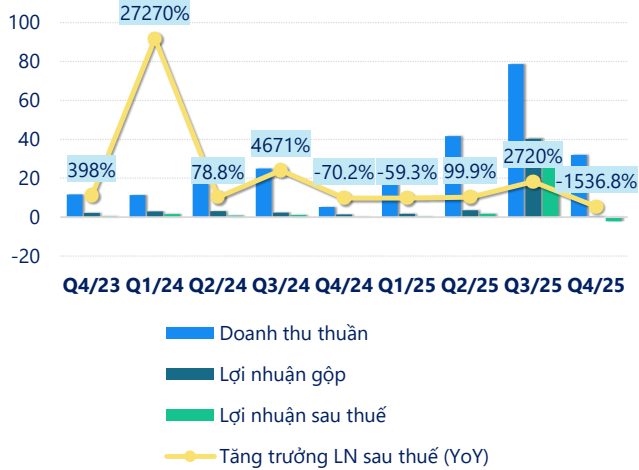
ROE
2025

20.3%

+/- YoY: ▲ 15.2%

tỷ VNĐ

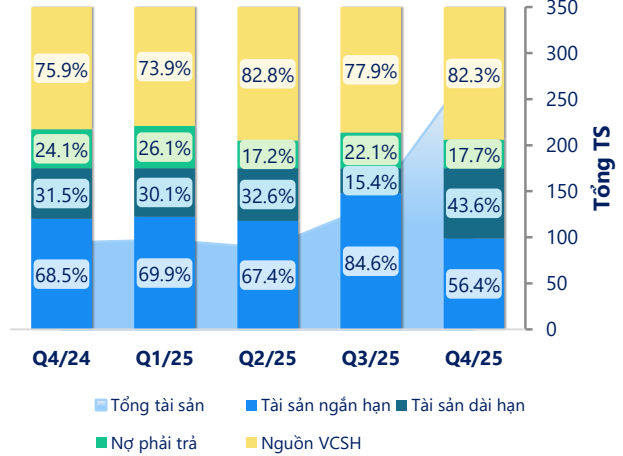
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

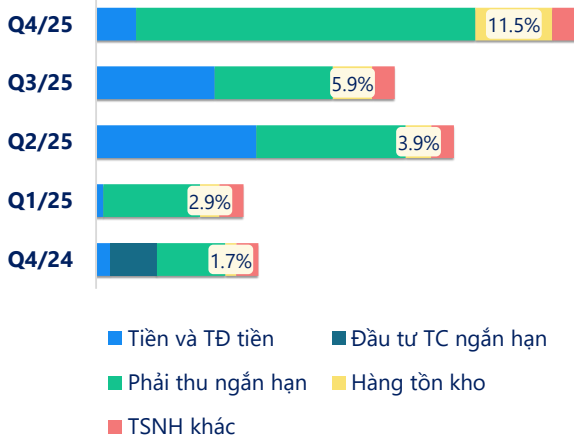
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



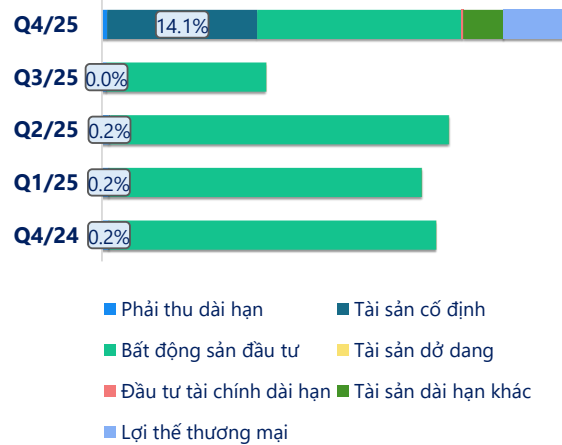
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

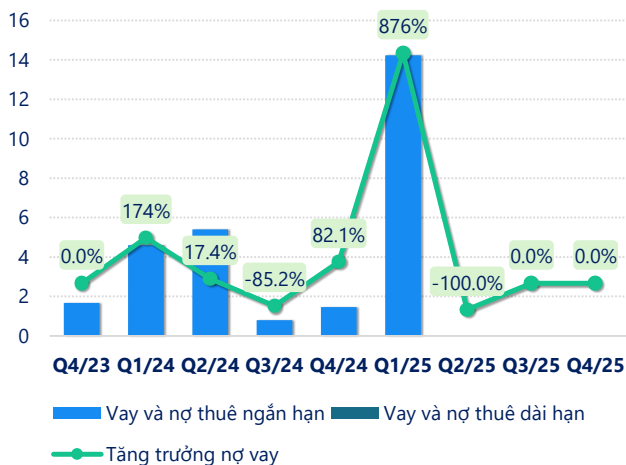
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

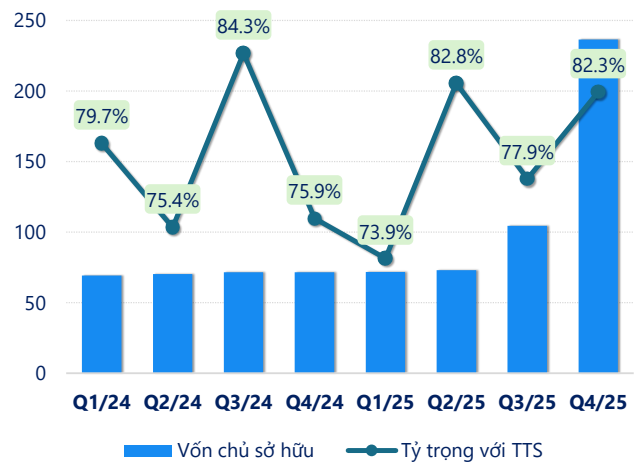
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

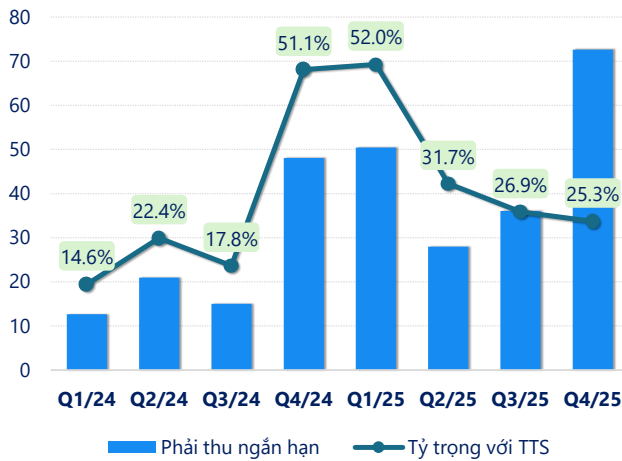
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



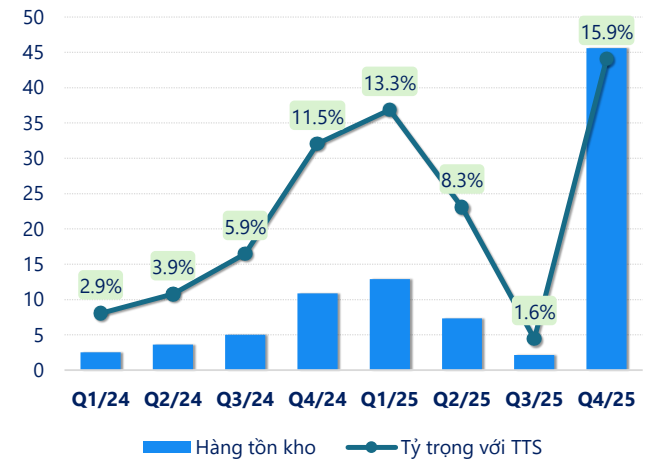
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


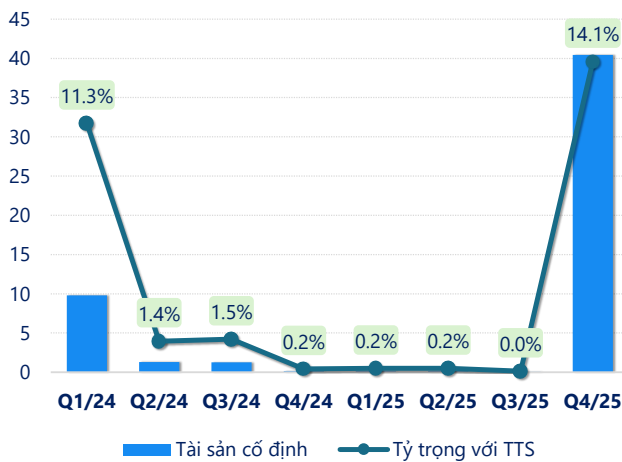
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


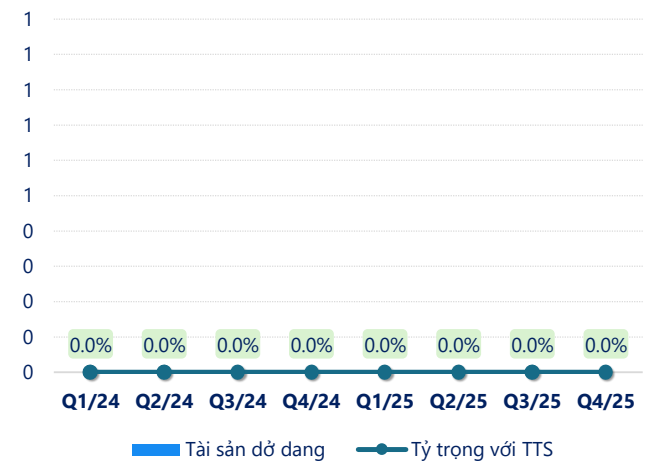
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

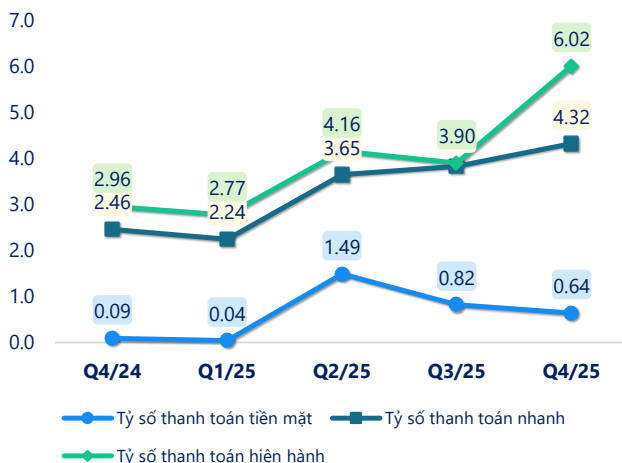
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

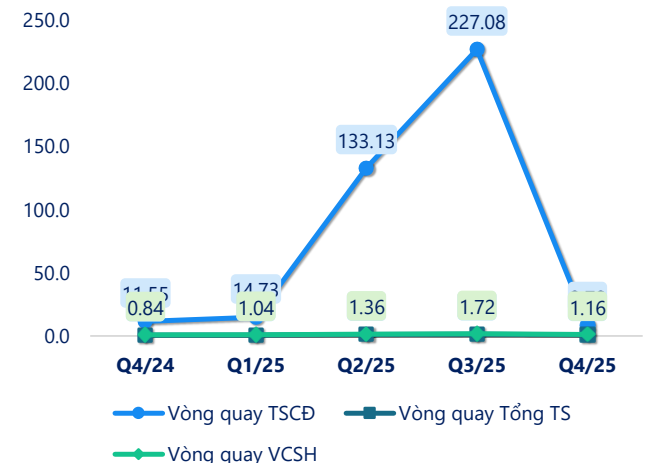
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	94.1	97.1	88.2	134	287
Tài sản ngắn hạn	64.5	67.9	59.5	113	162
Tiền và tương đương tiền	2.03	1.05	21.3	24.0	17.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	51.0	26.0
Phải thu ngắn hạn	48.1	50.4	28.0	36.0	72.6
Hàng tồn kho	10.9	12.9	7.32	2.14	45.6
Tài sản ngắn hạn khác	3.57	3.49	2.87	0.26	0.57
Tài sản dài hạn	29.6	29.2	28.8	20.7	125
Phải thu dài hạn	0.55	0.55	0.55	0.55	1.45
Tài sản cố định	0.15	0.17	0.15	0.06	40.4
Bất động sản đầu tư	28.9	28.5	28.1	20.1	55.1
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0.60
Tài sản dài hạn khác	0.04	0.03	0.03	0.02	10.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	16.7
Nợ phải trả	22.7	25.4	15.2	29.6	50.7
Nợ ngắn hạn	21.8	24.5	14.3	29.1	26.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.46	14.2	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	8.58	3.80	6.44	13.8	10.4
Nợ dài hạn	0.87	0.88	0.88	0.54	23.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	71.4	71.7	73.1	104	237
Vốn chủ sở hữu	71.4	71.7	73.1	104	237
Vốn điều lệ	60.0	60.0	60.0	60.0	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)